MS. CHI ENGLISH

Name: _____ **Date:** 20.10.2021

Class: L3 **Tel:** 038 255 2594

GLOBAL STAGE 3

UNIT 1 + 2: GRAMMAR REVISION

A. OTHER GRAMMAR

Cấu trúc "to – Vinf" chỉ mục đích.

- Cách dùng: dùng để chỉ mục đích của hành động, việc làm.
- Cấu trúc: **to + V – inf**

VD: The lions use their claws **to catch the preys**. *(Sư tử dùng móng vuốt để bắt mồi.)*

I study hard **to pass the exam**. *(Tôi học chăm chỉ để vượt qua kì thi.)*

B. HOMEWORK

I. Choose the correct answer. (Chọn câu trả lời đúng)

0. I played (play/ played) soccer when I was a kid.

1. We _____ (drinked/ drank) milk for breakfast last Monday.

2. It _____ (took/ taked) us 20 minutes to walk to school yesterday.

3. My family _____ (saw/ see) a good movie yesterday.

4. _____ (Did you watched/ Did you watch) the football match last night?

5. Last week, my father _____ (washed/ washes) his car by himself.

II. Fill in the blank, using given words and Past simple tense. (Điền vào chỗ trống, sử dụng từ trong ngoặc và Thì Quá khứ đơn)

0. She spoke English fluently. (speak English/ fluently)

LIVEWORKSHEETS

1. My friends _____. (work / hard)

2. Anna _____. (sing / beautifully)

3. She _____. (be / quiet / girl)

4. My brother _____. (play basketball / well)

5. My house _____. (be / large)

III. Put the adjectives in a suitable comparative or superlative form. (Điền dạng so sánh hơn hoặc so sánh nhất của tính từ phù hợp.)

0. My sister is <u>more intelligent</u> (intelligent) than me.

1. "Avatar" is _____ (bad) film I've seen!

2. What is _____ (wet) month of the year in Vietnam?

3. Are the Harry Potter films _____ (good) than the books?

IV. Choose a suitable verb to fill in each blank, using "to V-inf". (Chọn động từ thích hợp để điền vào chỗ trống, sử dụng dạng "to V-inf")

swim	~~get~~	watch	live	relax	walk

0. I study hard <u>to get</u> a high score.

1. She is playing with her kids _____ after a tiring *(mệt mỏi)* day.

2. My mother bought a smart TV _____ news.

3. They go jogging everyday _____ healthily.

4. We use our legs _____.

5. Helen and Laura are going to the pool _____.

V. Find and correct the mistakes. (Tìm và sửa lỗi sai)

0. That <u>was</u> the <u>baddest</u> pizza I've <u>ever</u> eaten!

A (B) C → <u>worst</u>

LIVEWORKSHEETS

1. She is a quickly reader.

A B C → _____

2. "Mom, I doed the homework yesterday.", Kelly said.

A B C → _____

3. They was good students. Now, they are teachers.

A B C → _____

VI. Write a paragraph (50-60 words) about a book that you like. (Viết đoạn văn (50 – 60 từ) về một quyển sách em yêu thích)

- Use adjectives: complicated, exciting, popular, interesting.
- Some key words: adventure, biography, fantasy, novel, science fiction, name *(tên)*, author *(tác giả)*, main character *(nhân vật chính)*, happen *(xảy ra)*, favourite part, etc.
- Guided questions:

+ What is the name of the book?
+ Who is the author?
+ Who are the main characters?
+ What happens in the book?
+ Why do you like this book? What is your favourite part?

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài theo link nghe sau: https://youtu.be/YGwoKDC5YJs

Part 3

– 5 questions –

Zoe slept at her grandparents' house all week. They went to lots of places. What did Zoe do in these places?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



village C



café ☐



lake ☐



cinema ☐



mountain ☐



waterfall ☐

LIVEWORKSHEETS



A



B



C



D



E



F



G



H

LIVEWORKSHEETS